

Số 2952 /STNMT-KS
V/v tham gia ý kiến về tỷ lệ quy đổi từ
số lượng khoáng sản thành phẩm sang
số lượng khoáng sản nguyên khai

Quảng Trị, ngày 12 tháng 11 năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Thuế tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh.

Thực hiện Nghị định số 164/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ngành xây dựng tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm sang số lượng khoáng sản nguyên khai.

Để có cơ sở trình UBND tỉnh ban hành, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các Sở: Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Tư pháp, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh có ý kiến đối với Dự thảo quyết định tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm sang số lượng khoáng sản nguyên khai làm cơ sở tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh (có dự thảo tờ trình và quyết định kèm theo).

Văn bản tham gia ý kiến gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 27/11/2018. Sau thời gian trên, nếu quý cơ quan không có văn bản tham gia ý kiến xem như thống nhất với tỷ lệ quy đổi do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng.

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị quý cơ quan quan tâm có ý kiến.

Nơi nhận:

- Như trên (22);
- GD;
- Lưu: VT, KS. ✱



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Khoa

Số /TTr-STNMT

Quảng Trị, ngày tháng 11 năm 2018

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v tỷ lệ quy đổi số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh họp bàn về việc xây dựng tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh (có biên bản kèm theo).

Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế tại các mỏ khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, dự án đầu tư khai thác khoáng sản và Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh về việc quy định trọng lượng của các loại khoáng sản thành phẩm trên địa bàn tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai đối với các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Các loại khoáng sản phải có tỷ lệ quy đổi.

Bao gồm các loại khoáng sản đang có hoạt động khai thác trên địa bàn tỉnh hoặc đã có kết quả thăm dò, khi khai thác phải qua sàng, tuyển, phân loại, làm giàu trước khi bán ra thị trường và các trường hợp cần thiết khác.

Đối với những khoáng sản chưa thăm dò, khai thác, đề nghị chưa xây dựng tỷ lệ quy đổi. Khi nào các loại khoáng sản này được thăm dò, khai thác, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ đề xuất UBND tỉnh bổ sung tỷ lệ quy đổi đối với các loại khoáng sản này.

2. Tỷ lệ quy đổi số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai.

2.1. Đối với khoáng sản kim loại.

2.1.1. Quặng vàng.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 02 mỏ quặng vàng gốc được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác gồm:

a. Mỏ vàng gốc A Pey A, xã A Bung, huyện Đakrông được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Phát triển khoáng sản 4 khai

thác tại Giấy phép số 1272/GP-BTNMT ngày 30/6/2011 với thời hạn 07 năm (Công ty đã nộp hồ sơ gia hạn giấy phép).

Theo báo cáo kết quả thăm dò, hàm lượng vàng trung bình ở cấp 122 là 4,202 g/t (1 tấn quặng nguyên khai thu được 4,202 g vàng), vậy tỷ lệ quy đổi là: 238 tấn quặng vàng/1 kg vàng.

b. Mỏ vàng gốc A Vao, xã A Vao, huyện Đakrông được Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Công ty Cổ phần Phát triển khoáng sản 4 khai thác với thời hạn 11 năm tại Giấy phép số 2912/GP-BTNMT ngày 29/12/2016.

Theo báo cáo kết quả thăm dò, hàm lượng vàng trung bình ở cấp 122 là 2,74 g/t (1 tấn quặng nguyên khai thu được 2,74 g vàng), vậy tỷ lệ quy đổi là: 365 tấn quặng vàng/1 kg vàng.

2.1.2. Quặng bạc.

Quặng bạc trên địa bàn tỉnh là sản phẩm đi kèm tại mỏ vàng A Vao, xã A Vao, huyện Đakrông.

Theo báo cáo kết quả thăm dò, hàm lượng bạc trung bình ở cấp 122 là 16,05 g/t (1 tấn quặng nguyên khai thu được 16,05 g bạc), vậy tỷ lệ quy đổi là: 62,3 tấn quặng bạc/1 kg bạc.

2.1.3. Quặng titan.

Trên địa bàn tỉnh có 04 giấy phép khai thác do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (trong đó có 03 giấy phép đang tạm dừng hoạt động hoặc chưa triển khai khai thác).

Trên cơ sở báo cáo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị, kết quả kiểm tra các tài liệu liên quan, sơ đồ công nghệ tuyển quặng của Công ty thì từ 100 tấn quặng hỗn hợp titan (quặng nguyên khai) sẽ thu hồi được 54,1 tấn titan thành phẩm. Vì vậy, các ngành thống nhất tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản titan thành phẩm ra số lượng khoáng sản titan nguyên khai là 1,85 (quặng nguyên khai/thành phẩm).

2.2. Đối với khoáng sản không kim loại.

2.2.1. Đá làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Đá nguyên khai hoặc đá hộc là đá sau nổ mìn khai thác.

- Theo Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh, trọng lượng của các loại đá thành phẩm như sau:

+ Đá 0,5 – 1 cm: 1,32 tấn/m³

+ Đá 1 - 2 cm: 1,36 tấn/m³

+ Đá 2 - 4 cm: 1,37 tấn/m³

+ Đá 4 - 6 cm: 1,38 tấn/m³

+ Đá sau nổ mìn: 1,47 tấn/m³ (đá nguyên khai)

- Từ trọng lượng của các loại đá thành phẩm có thể tính ra tỷ lệ quy đổi cho từng loại sản phẩm.

Ví dụ, để sản xuất ra 1 m³ đá 4 – 6 cm cần khối lượng đá nguyên khai là

1,38 : 1,47 = 0,94 m³, vậy tỷ lệ quy đổi đá 4 – 6 cm là 1/0,94 (thành phẩm/nguyên khai).

2.2.2. Đối với cát trắng

Theo báo cáo kết quả thăm dò đã được phê duyệt và tình hình chế biến thực tế của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO Quảng Trị qua báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản các năm, tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai là 1/1,18 (thành phẩm/nguyên khai).

2.2.3. Đối với sét làm gạch ngói.

Theo dự án đầu tư và thiết cơ sở mở khai thác mỏ sét gạch ngói tại khu vực Dốc Sơn, xã Hải Thượng, huyện Hải Lăng của Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông Thừa Thiên Huế (đơn vị được cấp giấy phép khai thác sét gạch ngói), định mức sản xuất 1.000 viên thành phẩm gạch tiêu chuẩn cần 1,6 m³ đất sét.

- Đối với các loại khoáng sản không kim loại mà khi bán ra không cần qua sàng tuyển, phân loại, làm giàu hoặc việc sàng, tuyển, phân loại, làm giàu trước khi bán ra không làm thay đổi đáng kể số lượng thì tỷ lệ quy đổi được tính là 1.

3. Tỷ lệ quy đổi cụ thể.

TT	Loại khoáng sản	Đơn vị	Tỷ lệ quy đổi		Ghi chú
			Nguyên khai	Thành phẩm	
I	Khoáng sản kim loại				
1	Quặng vàng (vàng côm)				
1.1	Mỏ vàng A Vao, xã A Vao, huyện Đakrông	Tấn	365	1 kg vàng	
1.2	Mỏ vàng A Pey A, xã A Bung, huyện Đakrông	Tấn	238	1 kg vàng	
2	Quặng bạc				
2.1	Mỏ vàng A Vao, xã A Vao, huyện Đakrông (khoáng sản đi kèm)	Tấn	62	1 kg bạc	
3	Quặng titan	Tấn	1,85	1	
II	Khoáng sản không kim loại				
1	Cát, cuội, sỏi	m ³	1	1	
2	Cát trắng	m ³	1,18	1	
3	Cát sau khai thác titan	m ³	1	1	
4	Đất làm vật liệu san lấp công trình	m ³	1	1	
5	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường				
	Đá dăm 0,5 - 1 cm	m ³	0,9	1	
	Đá dăm 1 - 2 cm	m ³	0,92	1	

	Đá dăm 2 - 4 cm	m ³	0,93	1	
	Đá dăm 4 - 6 cm	m ³	0,94	1	
	Đá nguyên khai (đá hộc)	m ³	1	1	
6	Sét làm gạch ngói	m ³	1,6	1.000 viên gạch tiêu chuẩn	
7	Gạch nửa, ngói nửa được xác định bằng 1/2 lần định mức của các loại gạch, ngói tương ứng nêu trên.				

Sở Tài nguyên và Môi trường kính đề nghị UBND tỉnh xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD;
- Lưu. VT, KS.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trường Khoa

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tỷ lệ quy đổi số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khối làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình sốSTNMT-KS ngày / /2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tỷ lệ quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

TT	Loại khoáng sản	Đơn vị	Tỷ lệ quy đổi		Ghi chú
			Nguyên khai	Thành phẩm	
I	Khoáng sản kim loại				
1	Quặng vàng (vàng côm)				
1.1	Mỏ vàng A Vao, xã A Vao, huyện Đakrông	Tấn	365	1 kg vàng	
1.2	Mỏ vàng A Pey A, xã A Bung, huyện Đakrông	Tấn	238	1 kg vàng	
2	Quặng bạc				
2.1	Mỏ vàng A Vao, xã A Vao, huyện Đakrông (khoáng sản đi kèm)	Tấn	62	1 kg bạc	

3	Quặng titan	Tấn	1,85	1	
II	Khoáng sản không kim loại				
1	Cát, cuội, sỏi	m ³	1	1	
2	Cát trắng	m ³	1,18	1	
3	Cát sau khai thác titan	m ³	1	1	
4	Đất làm vật liệu san lấp công trình	m ³	1	1	
5	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường				
	Đá dăm 0,5 - 1 cm	m ³	0,9	1	
	Đá dăm 1 - 2 cm	m ³	0,92	1	
	Đá dăm 2 - 4 cm	m ³	0,93	1	
	Đá dăm 4 - 6 cm	m ³	0,94	1	
	Đá nguyên khai (đá hộc)	m ³	1	1	
6	Sét làm gạch ngói	m ³	1,6	1.000 viên gạch tiêu chuẩn	
7	Gạch nửa, ngói nửa được xác định bằng 1/2 lần định mức của các loại gạch, ngói tương ứng nêu trên.				

Điều 2. Giao Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, triển khai tổ chức thực hiện Quyết định này.

Trường hợp có sự thay đổi liên quan đến các hệ số nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu kịp thời đề xuất phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung Quyết định này đảm bảo phù hợp và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- CVP, Các PCVP;
- Lưu: VT, TN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1502/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 17 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định trọng lượng đối với các loại
khoáng sản thành phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Pháp lệnh phí và Lệ phí năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 quy định thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ về Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 158/2011/TT-BTC ngày 16/11/2011 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1502/TTTr-STNMT ngày 07/7/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định trọng lượng đối với các loại khoáng sản thành phẩm làm căn cứ kê khai, thu nộp phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

1. Trọng lượng thành phẩm đá làm vật liệu xây dựng thông thường:

- Đá 0,5 – 1cm: 1,32 tấn/m³.
- Đá 1 – 2 cm: 1,36 tấn/m³.
- Đá 2 – 4 cm: 1,37 tấn/m³.
- Đá 4 – 6 cm: 1,38 tấn/m³.
- Đá sau khi nổ mìn: 1,47 tấn/m³.

2. Tỷ lệ quy đổi từ khoáng sản vàng thành phẩm sang quặng vàng và trọng lượng riêng, khối lượng thể tích của các loại khoáng sản được xác định

theo Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Giao Cục thuế tỉnh hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện việc tính, kê khai, nộp các nghĩa vụ tài chính trong quá trình hoạt động khoáng sản theo quy định tại Quyết định này và các quy định hiện hành.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu phải điều chỉnh hoặc phát sinh các loại khoáng sản cần phải xây dựng tỷ lệ quy đổi, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Cục thuế tỉnh và các cơ quan liên quan rà soát, tính toán, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

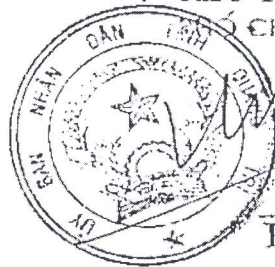
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT;
- CVP, PCVP;
- Lưu VT NNE

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

HÀ SỸ ĐÔNG



Hà Sỹ Đông